

Án số: 20/2020/HS-ST

Ngày: 20 - 02 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH , TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nam Bình

Bà Tô Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 15/2020/TLST-HS ngày 16/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/QĐXX-HS ngày 07/02/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Xuân D**, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng B, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949 (bà Hết được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì); có vợ là chị Bùi Thị Tình, sinh năm 1984 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt truy nã, bị tạm giữ từ ngày 19/11/2019, tạm giam từ ngày 22/11/2019 đến nay, trích xuất có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Anh Phạm Công H, sinh năm 1978, (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số nhà 33, đường K, tổ 01, phường K, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

* Những người làm chứng:

- Anh Phạm Công A, sinh năm 1979, (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số nhà 93, đường K, tổ 01, phường K, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

- Anh Đặng Xuân Ng, sinh năm 1976, (vắng mặt);
Nơi cư trú: Số nhà 47A, tổ 03, phường Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình.
- Anh Đặng Xuân B, sinh năm 1979 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình.
- Anh Phí Ngọc H, sinh năm 1988 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Tổ 04, xã X, thành phố B, tỉnh Thái Bình.
- Anh Phạm Duy K, sinh năm 1990 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Số nhà 192B, phường QT, quận Đ, thành phố Hà Nội.
- Chị Đặng Thị H, sinh năm 1975 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Số nhà 02, đường TNT, tổ 01, phường K, thành phố B, tỉnh Thái Bình;
- Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1977, (vắng mặt);
Nơi cư trú: Số nhà 01, tổ 01, phường K, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Đặng Xuân D cùng hai anh trai là anh Đặng Xuân Ng và anh Đặng Xuân B thuê ki-ốt số 04 và 05 còn anh Phạm Công H và anh Phạm Công A (là hai anh em) thuê ki-ốt số 01 của Trung tâm Khuyến nông, thuộc tổ 01, phường K, thành phố B để kinh doanh. Khoảng 15 giờ ngày 08/12/2012, khi bị cáo D đi giao hàng thì nhận được điện thoại của anh B nói việc anh B và anh Phạm Công H, anh Phạm Công A có xô xát, anh B bị anh H, anh A đâm gây thương tích nên bị cáo D quay về ki-ốt số 04 và 05 thì thấy anh Ng đang ở đó còn anh B và anh M (là người làm thuê cho ba anh em của bị cáo D quê ở huyện Y, tỉnh H, bị cáo D không biết họ và tên, đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể của anh M) đang đi bộ về ki ốt của ba anh em bị cáo D, bị cáo D nhìn thấy ở lưng, ở hông của anh B bị thương chảy nhiều máu nên Ng đi sang ki-ốt số 01 của anh H, anh A hỏi lý do xô sát nhưng anh H, anh A không nhận nên hai bên cãi nhau, anh Ng quay về ki ốt số 04 và 05 hô: “*Chúng mày mang đồ sang đây*” rồi anh Ng cầm 01 tuýp inox dài 1,2m, một đầu vát nhọn đi sang ki-ốt của anh H, anh A còn bị cáo D hiểu ý anh Ng hô là đi sang đánh nhau với anh H, anh A nên bị cáo cầm 01 xẻng có cán tre dài 1,2m và 01 đoạn ống tuýp dài hơn 01m đi theo anh Ng. Lúc này, anh H, anh A đang ngồi trước cửa ki-ốt, anh Ng dùng tuýp vụt về phía người anh A trúng vào phần đầu, anh A bỏ chạy vào trong ki-ốt lấy 01 đoạn sắt hộp có gắn 02 miếng sắt hình chữ V để chống trả thì bị anh Ng lao vào ôm, vật nhau ngã ra đường. Còn bị cáo D cầm xẻng đâm, vụt nhiều nhất về phía người anh H, trúng vào phần đầu, cẳng tay trái, cẳng chân phải anh H. Thấy vậy, anh B và anh M cũng chạy sang, anh M dùng đoạn tuýp vụt nhiều nhất vào người anh H. Được mọi người can ngăn nên hai bên dừng đánh nhau, anh Ng, anh B, anh M và bị cáo D

bỏ chạy còn anh H, anh A được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình đến ngày 18/12/2012 ra viện.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 05, 06 cùng ngày 14/01/2013 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Thái Bình kết luận:

+ Anh Phạm Công A: đa vết thương phần mềm vùng đầu do vật rắn có cạnh gây lên đã được mổ xử trí vết thương và điều trị. Sức khỏe bị giảm do thương tích gây nên hiện tại là 10%.

+ Anh Phạm Công H: Nhiều thương tích vùng đầu, vành tai, vùng đùi và cẳng tay, cẳng chân do vật rắn có cạnh tác động, làm gãy 1/3 giữa xương chày phải, đã được xử trí: kéo nắn bó bột sửa sỏ cẳng chân phải, xử trí các vết thương phần mềm. Sức khỏe bị giảm do thương tích gây nên hiện tại là 15%.

Sau khi có hành vi phạm tội bị cáo Đặng Xuân D bỏ trốn.

Tại bản án số 219/2014/HSST ngày 23/12/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã xét xử anh Đặng Xuân Ng về tội “Cố ý gây thương tích” và bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Ngày 19/11/2019 bị cáo Đặng Xuân D bị Công an tỉnh Bình Dương bắt theo lệnh truy nã.

Tại cơ quan điều tra bị cáo Đặng Xuân D đã khai nhận toàn hành vi phạm tội của mình.

Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa ngày 23/12/2014, anh Đặng Xuân Ng khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo giống như lời khai nhận tội của bị cáo Đặng Xuân D tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay.

Bị hại là anh Phạm Công H, anh Phạm Công A khai như sau: Do có sự hiểu lầm nhau nên ngày 08/12/2012, bị cáo Đặng Xuân D cùng anh Đặng Xuân Ng và một người có tên là M (làm thuê cho bị cáo) dùng ống tuýp sắt, xẻng có cán tre đánh gây thương tích cho anh H tỷ lệ tổn thương cơ thể 15%, gây thương tích cho anh A tỷ lệ tổn thương cơ thể 10%. Trong quá trình điều tra, ngày 01/01/2015 và ngày 12/12/2019, anh Phạm Công A có đơn rút yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự, đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm đối với bị cáo Đặng Xuân D.

Căn cứ Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng số 20/CT - VKSNDTPTB ngày 16/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Đặng Xuân D về tội: “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 điều 134) Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội: Phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ xác định có tội, không có chứng cứ xác định vô tội, không có tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự, trên cơ sở đó giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Xuân D phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/11/2019.
3. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Đã được giải quyết tại bản án số 219/2014/HSST ngày 23/12/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và bản án đã có hiệu lực pháp luật nên không đặt ra giải quyết về dân sự và vật chứng trong vụ án này.

Đối với thương tích 10% của anh Phạm Công A: Tại cơ quan điều tra anh A có đơn rút yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự và đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đặng Xuân D. Công an thành phố Thái Bình đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với bị can D về hành vi gây thương tích cho anh Phạm Công A.

Bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng tội, đúng pháp luật, vì vậy bị cáo không trình bày lời bào chữa cũng như không tranh luận về tội danh và mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và hứa hẹn không tái phạm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Các tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên và Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và đó là các tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Như vậy các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với: Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của anh Đặng Xuân Ng (đã được xét xử

tại bản án số 219/2014/HSST ngày 23/12/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình) và Cáo trạng truy tố đồng thời còn được chứng minh bằng: Đơn trình báo và lời khai của bị hại; Lời khai của những người làm chứng; Kết luận giám định pháp y về thương tích của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Thái Bình; Trích lục bệnh án của Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình; Hóa đơn, Chứng từ điều trị thương tích cho anh Phạm Công H, Biên bản vụ việc của Công an phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ lẽ ra bị cáo phải nhận thức rõ hành vi dùng xẻng, tuýp kim loại đâm lên cơ thể người khác sẽ có khả năng gây thương tích, song bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội cùng các đối tượng khác dẫn đến hậu quả là anh Phạm Công H bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 15%. Mặc dù hậu quả không do bị cáo trực tiếp gây ra song xác định đây là vụ án có đồng phạm nên hậu quả do một hoặc nhiều bị cáo gây ra thì các đồng phạm đều chịu trách nhiệm chung về hậu quả. Hành vi dùng xẻng, tuýp kim loại để phạm tội được xác định là hung khí nguy hiểm, hậu quả bị hại bị thương tích tỷ lệ 15% cho thấy phù hợp với dấu hiệu định khung hình phạt quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015. Điều 134 - Tội cố ý gây thương tích: “1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người; ... 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm: a) ...; đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”. Xét hành phạm tội của bị cáo D ngày 08/12/2012 khi Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đang có hiệu lực thi hành, Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 và quy định khung hình phạt tại Điều 134 - Tội cố ý gây thương tích nhẹ hơn khung hình phạt quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Căn cứ Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, hành vi của bị cáo D đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy nguy hiểm cho xã hội, vì hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Điều đó tạo lên sự bất bình trong quần chúng nhân dân và dư luận xấu trong xã hội. Xét nguyên nhân và điều kiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do bị kích động khi nghe anh trai Đặng Xuân Ng hô: “Chúng mày mang đồ sang đây” nên bị cáo đã tiếp nhận ngay ý chí và mang theo hung khí để phạm tội. Hành vi cố ý gây thương tích cho anh H có tính chất đồng phạm giản đơn vì các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ mà cùng nhau thực hiện với vai trò thực hành. Bị cáo D không chủ động, không khởi xướng, không trực tiếp gây ra thương tích cho anh H nên vai trò xếp sau Đặng Xuân Ng, theo đó việc xét xử bị cáo nghiêm minh trước pháp luật là cần thiết để giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Song, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình; đã tác động để gia đình bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại; bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo; có mẹ để được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi lượng hình.

[5]. Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, thì thấy bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì vậy Hội đồng xét xử cần quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra đó chính là thể hiện chính sách hình sự của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

[6]. Đối với vai trò đồng phạm cố ý gây thương tích cho anh A tỷ lệ tổn thương cơ thể 10% của bị cáo D thì thấy trong quá trình điều tra, anh A có đơn rút yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự, đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm đối với bị cáo D nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo D về hành vi cố ý gây thương tích cho anh A là phù hợp pháp luật.

[7]. Đối với anh Đặng Xuân Ng là đồng phạm cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo Đặng Xuân D, anh Ng đã được xét xử tại bản án số 219/2014/HSST ngày 23/12/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình và bản án đã có hiệu lực pháp luật nên tại bản án này xác định tư cách tham gia tổ tụng của anh Ng là người làm chứng.

[8]. Đối với người nam giới có tên là M cùng tham gia đánh anh H, anh A hiện vẫn chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình chưa có căn cứ xử lý là phù hợp.

[9]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại bản án số 219/2014/HSST ngày 23/12/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, bản án đã có hiệu lực pháp luật nên không phải giải quyết về dân sự và vật chứng trong vụ án này.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11]. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Xuân D phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Xử phạt bị cáo Đặng Xuân D 01 (một) năm tù thời hạn tính từ ngày tạm giữ 19/11/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

3. Án phí: Buộc bị cáo Đặng Xuân D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/02/2020. Vắng mặt bị hại báo cho biết có 15 ngày kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- VKS tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa